TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02/5/2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh
Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỳ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 545/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 140/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1993; địa chỉ đăng ký thường trú: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người được nguyên đơn uỷ quyền giao nhận văn bản: Chị Vũ Thị C1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Xuân T**, sinh năm 1996; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện đang lao động tại Đài Loan.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị Kim C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T quen biết năm 2019 khi cùng lao động tại Đài Loan. Sau khi xác định tiến tới hôn nhân thì hai bên chuyển về chung sống với nhau. Năm 2021 chị C về Việt Nam sinh con còn anh T ở lại Đài Loan

làm việc. Một năm sau anh T nghỉ phép về Việt Nam thì hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 09/12/2022. Sau khi kết hôn anh T tiếp tục sang Đài Loan làm việc còn chị C ở Việt Nam chăm sóc con. Đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp về tính cách, bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế nên hay xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, dần dần ít liên lạc và cắt đứt liên lạc từ tháng 7/2023 đến nay. Chị C xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Duy L, sinh ngày 02/3/2022, hiện đang ở với chị C. Khi ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị C đề nghị giải quyết vắng mặt và uỷ quyền cho chị Vũ Thị C1 giao nhận văn bản với Toà án.

Tại biên bản lấy lời khai, chị Vũ Thị C1 trình bày: Chị đồng ý nhận uỷ quyền của chị C, thay chị C giao nhận văn bản với Toà án.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T, chị C là vợ anh T và là con dâu bà. Chị C và anh T quen nhau khi lao động ở Đài Loan, năm 2022 về Việt Nam kết hôn trên tinh thần tự nguyện rồi anh T lại đi Đài Loan làm việc. Bà không rõ địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Toà án, tuy nhiên bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án để thông báo cho anh T. Quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung, anh T và chị C có 01 con chung là Vũ Duy L, sinh ngày 02/3/2022, hiện đang ở với chị C. Hiện cháu L còn nhỏ nên chị C đề nghị nuôi cháu L đến khi trưởng thành thì anh T đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung thì anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Công văn số 34321/QLXNC-P3 ngày 20/12/2023, Cục Q – Bộ C2 cung cấp: Anh Vũ Xuân T xuất cảnh lần gần nhất ngày 18/12/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Lê Thị Kim C ly hôn anh Vũ Xuân T; giao con chung Vũ Duy L, sinh ngày 02/3/2022 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung

đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị C đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh T. Anh T đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng hiện đang ở nước ngoài. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T đi lao động ở Đài Loan còn chị C ở Việt Nam chăm sóc con. Đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp về tính cách, bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế nên hay xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, dần dần ít liên lạc và cắt đứt liên lạc từ tháng 7/2023 đến nay. Xét thấy chị C và anh T mỗi người ở một quốc gia khác nhau, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C xin ly hôn thì anh T đồng ý. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Vũ Duy L, sinh ngày 02/3/2022, hiện đang ở với chị C. Chị C đề nghị được nuôi dưỡng con chung thì anh T đồng ý. Xét thấy cháu L dưới 36 tháng tuổi, chị C ở Việt Nam có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ, cần giao con chung cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh T đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị C là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim C.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kim C ly hôn anh Vũ Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Duy L, sinh ngày 02/3/2022 cho chị Lê Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim C không yêu cầu anh Vũ Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng chị C đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 29/11/2023 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000333; chị C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ, TP.C, HD;
- UBND xã H, huyện T, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, Toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng